

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2021/HC-ST

Ngày: 22 - 01 - 2021

*V/v “Kiện hành vi hành chính  
trong lĩnh vực quản lý đất đai”.*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Thị Phụng.

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Võ Quang Tuyên.  
2. Ông Phạm Hữu Dụng.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Mai Loan - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa:** Ông Đào Anh Thái - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hành chính sơ thẩm thụ lý số: 96/2019/TLST-HC ngày 13/12/2019, về việc “*Kiện hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 56/2020/QĐXXST-HC ngày 24/11/2020, giữa các đương sự:

**1. Người khởi kiện:** Ông Nguyễn Hồng L (Vắng mặt), bà Cao Thị H (Có mặt); địa chỉ: Thôn A, xã R, huyện S, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện ủy quyền của ông Nguyễn Hồng L: Ông Võ Đình S1; địa chỉ: Đường M, phường E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (Văn bản ủy quyền ngày 12/01/2017); Có mặt.

**2. Người bị kiện:** Ủy ban nhân dân huyện S, tỉnh Đắk Lắk; trụ sở: Đường Q, thị trấn S, huyện S, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn N, chức vụ: Chủ tịch UBND huyện S; Có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện: Ông Ngô Văn T, chức vụ: Trưởng Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện S (Vắng mặt) và ông Nguyễn Tất Đ1, chức vụ: Phó Trưởng Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện S (Có mặt).

*3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

3.1. Ủy ban nhân dân xã R, huyện S, tỉnh Đắk Lắk; trụ sở: Thôn A, xã R, huyện S, tỉnh Đắk Lắk;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Đinh Xuân Đ2; chức vụ: Chủ tịch UBND xã R; Vắng mặt.

Người đại diện ủy quyền: Ông Vương Huân T1, chức vụ: Phó Chủ tịch UBND xã R (Văn bản ủy quyền ngày 23/12/2019); Vắng mặt.

3.2. Trường Mầm non xã R, huyện S, tỉnh Đắk Lắk; địa chỉ: Thôn A, xã R, huyện S, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện pháp luật: Bà Đặng Thị T2, chức vụ: Hiệu trưởng Trường Mầm non xã R, huyện S, tỉnh Đắk Lắk; địa chỉ: Thôn C, xã J, huyện S, tỉnh Đắk Lắk; Vắng mặt.

3.3. Ngân hàng V: trụ sở: Đường L1, phường C1, Quận B1, Thủ đô Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Đức A1; chức vụ: Chủ tịch Hội đồng thành viên Ngân hàng V.

Người đại diện ủy quyền: Ông Phạm Nhật T3, chức vụ: Phó Giám đốc Ngân hàng V - Chi nhánh huyện S, Bắc Đắk Lắk; địa chỉ: Đường Q1, tổ dân phố N1, thị trấn S, huyện S, tỉnh Đắk Lắk (Văn bản ủy quyền từ ngày 30/9/2020); Có đơn xin xét xử vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

***Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, người khởi kiện ông Nguyễn Hồng L, bà Cao Thị H và người đại diện ủy quyền của người khởi kiện ông Nguyễn Hồng L là ông Võ Đình S1 trình bày:***

Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 0373739 do Ủy ban nhân dân huyện S cấp ngày 12/11/1998 cho hộ ông Nguyễn Thanh L (Nguyễn Hồng L), thì hộ ông L được quyền sử dụng diện tích 1.855m<sup>2</sup> đất 01 lúa tại thửa số 193, tờ bản đồ số 9, xã R, huyện S, tỉnh Đắk Lắk.

Thực hiện Chương trình xây dựng Trung tâm cụm xã Miền núi, Vùng cao của Thủ tướng Chính phủ. Ngày 21/7/1999, UBND tỉnh Đắk Lắk ban hành Quyết định số 1700/QĐ-UB về việc phê duyệt dự án công trình Trung tâm cụm xã R – E1, huyện S, tỉnh Đắk Lắk. Diện tích đất của hộ ông Nguyễn Hồng L, bà Cao Thị H bị kiểm kê thu hồi là 1.855m<sup>2</sup>.

Ngày 16/02/2000, UBND huyện S ban hành Quyết định số 05/QĐ-UBND thu hồi 1.855m<sup>2</sup> đất 01 lúa tại thửa số 193, tờ bản đồ số 9, xã R, huyện S của hộ gia đình ông Nguyễn Trí T4 (bố của ông L).

Tại Biên bản thống nhất kết luận số 01/BB-UB ngày 07/9/1999 của UBND huyện S về việc thông qua phương án bố trí đất ở, đất sản xuất và định mức đền bù, thì hộ gia đình ông T4 nằm trong vùng quy hoạch khu dân cư nên được giữ lại 250m<sup>2</sup> (10m x 25m) để làm đất ở, diện tích đất thực tế bị thu hồi là 1.605m<sup>2</sup> đất 01 lúa và sẽ được cấp đất sản xuất tại khu vực C2.

Ngày 29/3/2000, UBND tỉnh Đắk Lắk ban hành Quyết định số 518/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án đền bù thiệt hại, giải phóng mặt bằng để thực hiện Trung tâm cụm xã R – E1, huyện S, theo đó hộ gia đình ông T4 được bồi thường, hỗ trợ tổng số tiền 333.900 đồng giá trị quyền sử dụng đất của 1.855m<sup>2</sup>.

Ông Nguyễn Hồng L khiếu nại yêu cầu được bồi thường tài sản gắn liền với đất bị thu hồi, yêu cầu được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thổ cư, yêu cầu được bồi thường diện tích đất còn lại theo giá hiện hành.

Ngày 25/11/2008, UBND huyện S ban hành Quyết định số 1996/QĐ-UBND phê duyệt phương án đền bù (Bổ sung) về nhà ở, công trình, vật kiến trúc và cây cối, hoa màu trên đất; theo đó, hộ gia đình ông L được bồi thường hỗ trợ tổng số tiền 114.206.681 đồng.

Ngày 13/5/2009, Chủ tịch UBND huyện S ban hành Quyết định số 491/QĐ-UBND về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông L, trong đó có nội dung: Chấp nhận nội dung đơn của ông Nguyễn Thanh L về việc đề nghị Nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thổ cư cho gia đình theo phương án đền bù đã được phê duyệt; không chấp nhận việc ông L đề nghị Nhà nước bồi thường diện tích đất còn lại theo giá hiện hành vì không có cơ sở pháp lý để giải quyết; giao UBND xã R lập thủ tục giao đất ở tái định cư và đất sản xuất nông nghiệp cho gia đình ông L.

Ông L khiếu nại Quyết định số 491/QĐ-UBND ngày 13/5/2009 trên. Ngày 28/01/2010, Chủ tịch UBND tỉnh Đ ban hành Quyết định số 343/QĐ-UBND giải quyết đơn khiếu nại của ông L, có nội dung:

Yêu cầu UBND huyện S giao 1.605m<sup>2</sup> đất nông nghiệp tại C2 cho gia đình ông L sử dụng theo đúng quy định của Luật Đất đai; thu hồi của gia đình ông L số tiền 45.000 đồng để nộp ngân sách nhà nước do đã đền bù nhiều hơn diện tích đất thu hồi; Điều chỉnh lại phương án đền bù thiệt hại về tài sản trên đất, đồng thời chi trả tiền đền bù cho gia đình ông L.

Ngày 26/4/2010, UBND huyện S ban hành Quyết định số 418/QĐ-UBND giao cho hộ gia đình ông L 250m<sup>2</sup> đất tái định cư tại vị trí sát bờ rào khuôn viên Trường Mầm non R để sử dụng vào mục đích làm nhà ở (kèm theo trích lục bản đồ). Theo quyết định này, hộ gia đình ông L phải nộp tiền sử dụng đất và các nghĩa vụ tài chính khác.

Sau đó, bà Đinh Thị B2 và ông Nguyễn Hồng L tranh chấp quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 193, tờ bản đồ số 9, xã R. Tại bản án dân sự phúc thẩm số 62/2014/DS-PT ngày 26/5/2014 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk đã quyết định: *“Công nhận thửa đất số 193, tờ bản đồ số 9, xã R, huyện S và một ngôi nhà bằng gỗ, một giếng nước thuộc quyền sở hữu của ông Nguyễn Thanh L (Nguyễn Hồng L) và bà Cao Thị H”*.

Ngày 30/6/2014, UBND huyện S ban hành Quyết định số 1849/QĐ-UBND cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BQ 910365 cho hộ gia đình ông Nguyễn Hồng L đối với diện tích 250m<sup>2</sup> thuộc thửa đất số 295, tờ bản đồ quy hoạch Trung tâm cụm xã R, huyện S, tỉnh Đắk Lắk; Mục đích sử dụng: Đất ở tại nông thôn; nguồn gốc sử dụng: Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất.

Ngày 14/6/2016, Chủ tịch UBND huyện S ban hành Quyết định số 1595/QĐ-UBND phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ chi tiết về nhà ở, tài sản, vật kiến trúc, cây cối hoa màu cho hộ gia đình ông L; theo đó, hộ gia đình ông L được bồi thường, hỗ trợ tổng số tiền 284.104.998 đồng.

Ngày 08/11/2016, ông L, bà H có đơn khởi kiện với nội dung: Yêu cầu Tòa án hủy Quyết định số 1595/QĐ-UBND ngày 14/6/2016 của Ủy ban nhân dân huyện S; buộc Ủy ban nhân dân huyện S phải bàn giao mốc, ranh giới diện tích đất không thu hồi mà thu gọn còn lại là 250m<sup>2</sup> tại thửa số 193, tờ bản đồ số 9, tọa lạc tại thôn A, xã R, huyện S theo phương án đã được phê duyệt và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là đất thổ cư; buộc Ủy ban nhân dân huyện S giải quyết bồi thường đối với diện tích đất 1.605m<sup>2</sup> cho gia đình ông bà theo quy định pháp luật.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 19/2017/HC-ST ngày 05/6/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk, chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông L, bà H, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Hồng L, bà Cao Thị H về yêu cầu hủy Quyết định hành chính số 1595/QĐ-UBND ngày 14/6/2016 của Ủy ban nhân dân huyện S.

Sau khi xét xử sơ thẩm, UBND huyện S kháng cáo bản án. Tại Bản án hành chính phúc thẩm số 135/2017/HC-PT ngày 24/8/2017 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội đã quyết định: Không chấp nhận kháng cáo của UBND huyện S; Giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 19/2017/HC-ST ngày 05/6/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

Ngày 04/12/2017, UBND huyện S có Công văn số 927/UBND-TNMT về việc đề nghị xem xét lại bản án sơ thẩm và bản án phúc thẩm nói trên theo thủ tục giám đốc thẩm.

Tại Quyết định giám đốc thẩm số 28/2019/HC-GĐT ngày 06/11/2019 của Tòa án nhân dân tối cao đã quyết định: Chấp nhận một phần Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm số 42/2019/KN-HC ngày 31/7/2019 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao đối với bản án hành chính phúc thẩm số 135/2017/HC-PT ngày 24/8/2017 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng. Hủy toàn bộ bản án hành chính phúc thẩm số 135/2017/HC-PT ngày 24/8/2017 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng và hủy một phần bản án hành chính sơ thẩm số 19/2017/HC-ST ngày 05/6/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk về nội dung quyết định “*Buộc UBND huyện S thực hiện việc bàn giao mốc, ranh giới diện tích đất để lại không thu hồi là 250m<sup>2</sup> đất ở của thửa đất số 193, tờ bản đồ số 9, vị trí tại sát bờ rào khuôn viên Trường mầm non xã R, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông L, bà H theo quy định pháp luật*”.

UBND huyện S cho rằng đã giao đất có thu tiền sử dụng đất tại Quyết định 1849/QĐ-UBND ngày 30/06/2014 và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BQ 910365 cho hộ ông L, bà H diện tích 250m<sup>2</sup> đất ở, thửa đất 295, tờ bản đồ Trung tâm cụm xã R là hoán đổi 01 thửa đất ở tại vị trí khác thay cho thửa đất số 193, tờ bản đồ số 09 là thực hiện theo Quyết định giao đất số 418/QĐ-UBND ngày 26/4/2010 và Quyết định số 2251/QĐ-UBND ngày 01/11/2011 của UBND huyện S về việc phê duyệt dự án quy hoạch xây dựng điểm dân cư nông thôn xã R, trong đó có nội dung vị trí thửa đất số 193, tờ bản đồ số 09 được quy hoạch và giao lại cho Trường Mầm Non xã R, nhằm mở rộng khuôn viên Trường Mầm non xã R; nhưng lại buộc gia đình ông L phải nộp tiền sử dụng đất và cho rằng có sự đồng ý của hộ ông L là không đúng.

Ngày 08/4/2019, UBND huyện S ban hành Quyết định số: 1333/QĐ-UBND về việc thu hồi, hủy bỏ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BQ 910365 do UBND huyện S cấp ngày 30/6/2014 cho hộ ông Nguyễn Hồng L, bà Cao Thị H. Do đó, ông Nguyễn Hồng L, bà Cao Thị H đã khởi kiện Quyết định hành chính số 1333/QĐ-UBND này.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số: 46/2019/HC-ST ngày 20/11/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông L, bà H; Hủy Quyết định số 1333/QĐ-UBND ngày 08/04/2019 của UBND huyện S. Sau khi xét xử sơ thẩm UBND huyện S kháng cáo Bản án. Tại phiên tòa phúc thẩm ngày 14/9/2020, UBND huyện S có đơn xin rút toàn bộ nội dung kháng cáo và Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đã ban hành Quyết định đình chỉ xét xử phúc thẩm vụ án hành chính số: 168/2020/QĐ-PT ngày 14/9/2020.

Việc UBND huyện S có đơn xin rút toàn bộ nội dung kháng cáo đối với bản án sơ thẩm nêu trên là đã thừa nhận hộ gia đình ông L, bà H mua diện tích 250m<sup>2</sup>

đất ở, thửa đất số 295, tờ bản đồ Trung tâm cụm xã R không thông qua đấu giá, mà được UBND huyện S giao đất có thu tiền sử dụng đất nhưng trước đó UBND huyện S cho rằng hoán đổi. Ông L, bà H xác định không mua đất thông qua đấu giá.

Theo Quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu số: 491/QĐ-UBND ngày 13/5/2009 của Chủ tịch UBND huyện S và Quyết định giải quyết khiếu nại lần hai số: 343/QĐ-UBND ngày 28/01/2010 của Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Lắk, thì khi lập thủ tục giao đất ở và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đều không buộc hộ ông L, bà H phải nộp tiền sử dụng đất. Hộ ông L, bà H có đơn xin miễn giảm tiền sử dụng đất và được Nhà nước giải quyết cho giảm 50% tiền sử dụng đất do thuộc đối tượng hộ đồng bào dân tộc thiểu số. Trong hồ sơ đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 295, tờ bản đồ Trung tâm cụm xã R, không có hồ sơ bồi thường do Trung tâm phát triển quỹ đất thuộc UBND huyện S xác nhận. UBND huyện S cho rằng ông L, bà H mua đất nhưng không có đơn xin mua đất; hoán đổi đất nhưng buộc ông L, bà H nộp tiền sử dụng đất đối với 250m<sup>2</sup> đất ở là không đúng quy định pháp luật.

Đối với nội dung mở rộng Trường Mầm non R: Tại Quyết định số 2251/QĐ-UBND ngày 01/11/2011 của UBND huyện S về việc phê duyệt dự án quy hoạch xây dựng điểm dân cư nông thôn xã R, chỉ thể hiện về mặt chủ trương của huyện S, chưa được UBND tỉnh Đ phê duyệt và giao đất cho tổ chức theo quy định. Đồng thời, Trường Mầm non R là đơn vị trực thuộc sự quản lý của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Đắk Lắk cũng chưa có văn bản xin UBND tỉnh Đắk Lắk giao thêm đất để mở rộng khuôn viên. Mặt khác, Quyết định số 418/QĐ-UBND ngày 26/4/2010 của UBND huyện S về việc giao cho hộ gia đình ông L 250m<sup>2</sup> đất tái định cư tại vị trí sát bờ rào khuôn viên Trường Mầm non R, thửa số 193, tờ bản đồ số 9 để sử dụng vào mục đích làm nhà ở vẫn đang có hiệu lực pháp luật nên buộc phải tiếp tục thực hiện quyết định này.

Do đó, ông L, bà H xác định lại các nội dung khởi kiện hiện nay yêu cầu Tòa án giải quyết gồm:

- Buộc UBND huyện S thực hiện việc bàn giao mốc, ranh giới diện tích đất để lại không thu hồi là 250m<sup>2</sup> đất ở của thửa đất số 193, tờ bản đồ số 9, vị trí tại sát bờ rào khuôn viên Trường mầm non xã R và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông L, bà H đối với thửa đất số 193, tờ bản đồ số 9 theo quy định pháp luật.

- Đề nghị Toà án kiến nghị UBND huyện S xem xét lại tính hợp pháp của việc buộc hộ ông L, bà H nộp tiền sử dụng đất đối với diện tích 250m<sup>2</sup> đất ở, thửa đất 295, tờ bản đồ Trung tâm cụm xã R; kiến nghị UBND huyện S giải quyết bồi

thường giá trị quyền sử dụng đất diện tích 1.605m<sup>2</sup> bằng tiền theo quy định pháp luật về bồi thường khi nhà nước thu hồi đất.

***Người bị kiện Ủy ban nhân dân huyện S trình bày:***

Lời khai của UBND huyện S về việc thu hồi đất, quá trình giải quyết đơn khiếu nại của ông L, bà H, quá trình giải quyết và kết quả giải quyết đơn khởi kiện của ông L và bà H cơ bản giống ông L, bà H đã trình bày ở trên.

Ngày 26/4/2010, UBND huyện S ban hành Quyết định số 418/QĐ-UBND về việc giao 250m<sup>2</sup> đất ở cho hộ gia đình ông L. Tại biên bản làm việc ngày 31/5/2010 giữa hộ ông L với Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện S và nội dung Đơn xin ghi nợ tiền sử dụng đất ngày 08/11/2012, đều có nội dung hộ ông L công nhận thửa đất số 295, tờ bản đồ Trung tâm cụm xã R là được UBND huyện giao tái định cư.

Sau khi hộ ông L thực hiện nghĩa vụ tài chính là tiền sử dụng đất, lệ phí trước bạ nhà đất với số tiền 117.500.000 đồng theo quy định, ngày 30/6/2014, UBND huyện S đã ban hành Quyết định số 1849/QĐ-UBND cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông L thửa đất 295, tờ bản đồ Trung tâm cụm xã R, diện tích 250m<sup>2</sup> đất ở.

Ngày 09/3/2011, UBND huyện đã giao 1.605m<sup>2</sup> đất nông nghiệp cho hộ ông L tại khu vực C2 thuộc quỹ đất 5% của xã R, tại thời điểm giao đất không có tranh chấp xảy ra. Tuy nhiên, UBND huyện chưa ban hành quyết định giao đất. Trong quá trình tranh tụng tại các phiên tòa trước đây, ông L cho rằng thực tế ông không được sử dụng diện tích 1.605m<sup>2</sup> này vì hiện do ông Phan Văn H1 đang sử dụng, nhưng từ khi giao đất đến nay đã 06 năm hộ ông L không có ý kiến gì. Do đó, hộ ông L cho rằng UBND huyện chưa bồi thường 1.605m<sup>2</sup> đất cho gia đình ông tại C2 là không đúng.

Về nội dung thu tiền sử dụng đất khi cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất số 295, tờ bản đồ Trung tâm cụm xã R: Hộ ông L đã nộp tiền sử dụng đất, lệ phí trước bạ nhà đất với số tiền 117.500.000 đồng theo Thông báo thực hiện nghĩa vụ tài chính số 1766/TB ngày 23/12/2013 của Chi cục thuế huyện S. Chi cục thuế huyện S ban hành Thông báo số 1766/TB trên cơ sở các phiếu chuyển thông tin của Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất. Đây là chức năng, nhiệm vụ theo quy định của 02 đơn vị này trong quy trình, trình tự giải quyết hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Theo ý kiến của Chi cục thuế huyện S và Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất (nay là Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai) huyện S, thì việc thu nghĩa vụ tài chính, miễn giảm nghĩa vụ tài chính của hộ ông L là có căn cứ và được thực hiện theo khoản 2 Nghị định số 198/2004/NĐ-CP ngày 03/12/2004 của Chính phủ;

khoản 7 Điều 2 Nghị định số 120/2010/NĐ-CP ngày 30/12/2010 của Chính phủ; khoản 1 Điều 9 Nghị định số 45/2011/NĐ-CP ngày 17/6/2011 của Chính phủ.

UBND huyện S nhận thấy hộ ông L bị thu hồi đất sản xuất nông nghiệp (đất 01 lúa) tại thửa đất số 193, tờ bản đồ số 09 nhưng lại được giao đất vào mục đích sử dụng đất ở tại thửa đất số 295, tờ bản đồ Trung tâm cụm xã R. Ông L và bà H đã ký vào biên bản làm việc ngày 09/02/2010, ngày 31/5/2010 và xác định đã nhận đất tái định cư. Sau khi có sự đồng ý của hộ ông L, công tác bồi thường, hỗ trợ khi thu hồi đất tại thửa số 193, tờ bản đồ số 09 đã được các cơ quan chức năng thực hiện đầy đủ. Do đó, trường hợp này khi hộ ông L được giao đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa số 295, tờ bản đồ Trung tâm cụm xã R thì phải thực hiện nghĩa vụ tài chính theo thông báo của các cơ quan chức năng là phù hợp.

Từ nội dung và diễn biến sự việc nêu trên UBND huyện nhận thấy nội dung khởi kiện của ông L, bà H là không có cơ sở, đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông L, bà H.

***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân xã R, huyện S trình bày:***

Quá trình giải quyết đơn khiếu nại của ông Nguyễn Hồng L, bà Cao Thị H đã được giải quyết tại Quyết định số 491/QĐ-UBND ngày 15/5/2009 của Chủ tịch UBND huyện S và Quyết định số 343/QĐ-UBND ngày 28/01/2010 của Chủ tịch UBND tỉnh Đ là đúng theo quy định pháp luật.

Ngày 26/4/2010, UBND huyện S ban hành Quyết định số 418/QĐ-UBND giao cho hộ gia đình ông L 250m<sup>2</sup> đất tái định cư cho hộ ông Nguyễn Hồng L. Sau khi được sự thống nhất chuyển vị trí thửa đất giữa ông L, bà H với UBND huyện S và UBND xã R, ngày 30/6/2014 UBND huyện S cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BQ 910365 tại thửa đất số 295, tờ bản đồ Trung tâm cụm xã R cho ông L, bà H. Việc bố trí 250m<sup>2</sup> cho hộ ông L từ vị trí thửa số 193, tờ bản đồ số 09 tại vị trí sát bờ rào khuôn viên Trường Mầm non R, sang vị trí hiện nay ông L sử dụng đã làm nhà ở ổn định tại thửa đất số 295, tờ bản đồ Trung tâm cụm xã R là được sự đồng ý của hộ ông L. Do chuyển vị trí đất nên hộ ông L đã được bồi thường toàn bộ tài sản trên đất với số tiền 284.104.998 đồng theo Quyết định số 1595/QĐ-UBND ngày 14/6/2016 của UBND huyện S.

Mặt khác, theo quyết định số 2251/QĐ-UBND ngày 01/11/2011 của UBND huyện S thì thửa đất số 193, tờ bản đồ số 09 tại vị trí sát bờ rào khuôn viên Trường Mầm non R đã được quy hoạch để mở rộng khuôn viên của Trường Mầm non R.

UBND xã R đề nghị giữ nguyên thửa đất số 193, tờ bản đồ số 09 để sử dụng vào mục đích mở rộng khuôn viên của Trường Mầm non R để diện tích đất của trường mầm non được vuông vức.

***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Trường Mầm non xã R, huyện S trình bày:***

Trường Mầm non xã R được UBND tỉnh Đắk Lắk cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BA 717679 ngày 09/8/2010, diện tích 3.207m<sup>2</sup>, thửa số 04, tờ bản đồ số 00, tại xã R, huyện S. Tại phần đất nằm kế cận hàng rào trường và nằm ngoài khuôn viên trường có căn nhà gỗ trên đất, bà không biết là của ai, tuy nhiên khi đi làm công việc tại trường thì bà thấy gia đình ông Nguyễn Hồng L, bà Cao Thị H cư trú và làm vườn, trồng chuối, dựng chuồng gà sát trường làm ô nhiễm, mùi hôi ảnh hưởng đến sức khỏe của các cháu đang học tại trường. Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật để nhà trường biết diện tích đất này thuộc về ai để nhà trường có định hướng kiến nghị với UBND huyện S.

***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng V trình bày:***

Ngày 18/11/2014, hộ bà Cao Thị H ký kết Hợp đồng tín dụng với Ngân hàng V - Chi nhánh huyện S, Bắc Đắk Lắk và thế chấp cho Ngân hàng một Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BQ 910365 do UBND huyện S cấp ngày 30/06/2014 cho hộ ông Nguyễn Hồng L, bà Cao Thị H, thửa đất số 295, tờ bản đồ Trung tâm cụm xã R. Ngày 16/5/2018, hộ bà H tiếp tục ký Hợp đồng tín dụng vay 900.000.000 đồng với Ngân hàng và tiếp tục thế chấp cho Ngân hàng bằng hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất ngày 18/11/2014 nói trên. Hợp đồng thế chấp được chứng thực và tài sản thế chấp được đăng ký tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện S theo quy định. Đề nghị Tòa án giữ nguyên giá trị pháp lý của Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nói trên để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của Ngân hàng.

*Tại phần tranh luận, đại diện theo uỷ quyền của ông L trình bày:* Theo mục [1.4] phần nhận định của Quyết định giám đốc thẩm số 28/2019/HC-GĐT ngày 06/11/2019, Tòa án nhân dân tối cao đã nhận định Quyết định số 418/QĐ-UBND ngày 26/4/2010 được ban hành sau khi Quyết định thu hồi đất số 05/QĐ-UBND ngày 16/01/2000 bị khiếu nại và có liên quan đến quyết định thu hồi đất, quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi thu hồi đất. Các quyết định giải quyết khiếu nại thuộc trường hợp HĐXX phải xem xét tính hợp pháp theo quy định tại khoản 1 Điều 193 Luật tổ tụng hành chính. Do đó, HĐXX cần kiến nghị UBND huyện S xem xét lại tính hợp pháp của việc buộc hộ ông L, bà H nộp tiền sử dụng đất đã nộp theo Quyết định số 418/QĐ-UBND ngày 26/4/2010 của UBND huyện S đối với thửa đất 295. Về nội dung mở rộng Trường Mầm non R: Tại Quyết định số 2251/QĐ-UBND ngày 01/11/2011 của UBND huyện S về việc phê duyệt dự án quy hoạch xây dựng điểm dân cư nông thôn xã R, chỉ thể hiện về mặt chủ trương của huyện S, chưa được UBND tỉnh Đ phê duyệt và giao

đất cho tổ chức theo quy định. Đồng thời, Trường Mầm non R là đơn vị trực thuộc sự quản lý của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Đắk Lắk cũng chưa có văn bản xin UBND tỉnh Đắk Lắk giao thêm đất để mở rộng khuôn viên. Diện tích 250m<sup>2</sup>, thửa số 193 được quy hoạch là đất ở nông thôn, không phải đất giáo dục, bởi lẽ, tại tờ bản đồ số 98 xã R do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện S đo vẽ và được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đ phê duyệt ngày 15/11/2017, nên có giá trị pháp lý được sử dụng trong lĩnh vực quản lý đất đai, thể hiện diện tích 250m<sup>2</sup>, thửa số 193 được quy hoạch là đất ở nông thôn (ONT), thuộc thửa đất số 17, tờ bản đồ số 98. Đề nghị HĐXX chấp nhận khởi kiện của ông L, bà H.

*Tại phần tranh luận, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của UBND huyện S trình bày:* Việc UBND huyện S cấp đất tái định cư cho hộ ông L, bà H thửa đất số 295, tờ bản đồ Trung tâm cụm xã R là phù hợp, có sự đồng ý của hộ ông L, bà H, được thể hiện tại các biên bản làm việc ngày 09/02/2010 và ngày 31/5/2010, hộ ông L, bà H đã ký vào biên bản; tại nội dung Đơn xin miễn giảm tiền sử dụng đất ngày 08/8/2012 và Đơn xin ghi nợ tiền sử dụng đất ngày 08/11/2012, đều có nội dung hộ ông L công nhận thửa đất số 295, tờ bản đồ Trung tâm cụm xã R là được UBND huyện giao tái định cư. Về vị trí thửa 295 có sự tương đồng, cùng giá trị, không làm ảnh hưởng đến quyền lợi của hộ ông L và phù hợp với trích lục bản đồ kèm theo với Quyết định số 418/QĐ-UBND ngày 26/4/2010 của UBND huyện S. Vì vậy, UBND huyện đã ban hành Quyết định số 1595/QĐ-UBND ngày 14/6/2016, về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ chi tiết về nhà ở, tài sản, vật kiến trúc, cây cối hoa màu cho hộ gia đình ông L tại thửa 193, tờ bản đồ số 09 với tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ là 284.104.998 đồng. Về nội dung thu tiền sử dụng đất khi cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất số 295, tờ bản đồ Trung tâm cụm xã R: Tại mục 3 của Quyết định số 418 quyết định hộ gia đình ông L phải nộp tiền sử dụng đất và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định. Việc buộc người sử dụng đất phải nộp hay không phải nộp tiền sử dụng đất thuộc thẩm quyền của Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất và Chi cục thuế huyện S, nên UBND huyện S không có chức năng, nhiệm vụ này. Đề nghị HĐXX không chấp nhận khởi kiện của ông L, bà H.

***Đại diện VKSND tỉnh Đắk Lắk phát biểu quan điểm:***

- Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của Luật tố tụng hành chính.

- Về nội dung: UBND huyện S đã không giao 250m<sup>2</sup> đất tái định cư thuộc thửa đất số 193, tờ bản đồ số 9, xã R cho hộ ông L, bà H mà ban hành Quyết định số 1849/QĐ-UBND ngày 30/6/2014 về việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông L, bà H đối với diện tích 250m<sup>2</sup> thuộc thửa số 295, tờ bản đồ quy

hoạch Trung tâm cụm xã R. Ông L, bà H xác định diện tích 250m<sup>2</sup> thuộc thửa số 295, tờ bản đồ quy hoạch Trung tâm cụm xã R ông bà có được do mua đấu giá của UBND huyện S. UBND huyện S cho rằng thửa 295 là hộ ông L có được do hoán đổi diện tích 250m<sup>2</sup>, thửa đất số 193, tờ bản đồ số 9, xã R theo thỏa thuận với hộ ông L, bà H. Hộ ông L, bà H không đưa ra được chứng cứ chứng minh có việc mua đấu giá thửa đất số 295. Hộ ông L không làm thủ tục (Không có đơn) xin mua đất mà do UBND huyện S giao đất tái định cư, ông bà chỉ nộp tiền, nhận đất và đã xây nhà ở kiên cố trên thửa 295. Việc hoán đổi này phù hợp với thực tế giữa thửa đất 193 với thửa 295 còn có một diện tích đất khác đang thuộc quản lý của UBND xã R. Diện tích đất nằm giữa này và thửa 193 theo báo cáo của UBND huyện S sẽ được giao cho Trường Mầm non xã R. Nếu thực hiện việc bàn giao mốc, ranh giới diện tích 250m<sup>2</sup>, thửa đất số 193, tờ bản đồ số 9, xã R và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông L, bà H đối với thửa đất số 193, tờ bản đồ số 9, thì hộ ông L, bà H sẽ được quyền sử dụng đối với cả hai thửa đất là 193 và 295 là không phù hợp với hiện trạng sử dụng đất.

Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận đơn khởi kiện của ông Nguyễn Hồng L, bà Cao Thị H.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa; căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa; ý kiến trình bày của các bên đương sự, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử sơ thẩm vụ án hành chính nhận định như sau:*

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa vắng mặt người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng V (Đều có đơn xin xét xử vắng mặt); người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan UBND xã R, Trường Mầm non xã R đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, Kiểm sát viên đề nghị HĐXX tiếp tục phiên tòa, HĐXX hội ý quyết định xét xử vụ án theo quy định tại Điều 158 Luật Tố tụng hành chính.

[2] Về khởi kiện và thụ lý vụ án:

Ngày 08/11/2016, ông Nguyễn Hồng L, bà Cao Thị H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết huỷ quyết định hành chính và yêu cầu thực hiện hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai. Ngày 05/6/2017, Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk đã xét xử vụ án. Sau khi xét xử sơ thẩm, người bị kiện đã kháng cáo bản án. Tại bản án hành chính phúc thẩm số 135/2017/HC-PT ngày 24/8/2017 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng không chấp nhận kháng cáo của người bị kiện, giữ nguyên bản án hành chính sơ thẩm. Bản án phúc thẩm bị người bị kiện khiếu nại theo trình tự giám đốc thẩm. Tại Quyết định giám đốc thẩm số 28/2019/HC-GĐT ngày

06/11/2019 của Tòa án nhân dân tối cao đã chấp nhận một phần Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm số của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao đối với bản án hành chính phúc thẩm số 135/2017/HC-PT ngày 24/8/2017 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng. Hủy toàn bộ bản án hành chính phúc thẩm số 135/2017/HC-PT ngày 24/8/2017 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng và hủy một phần bản án hành chính sơ thẩm số 19/2017/HC-ST ngày 05/6/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk về nội dung quyết định “*Buộc UBND huyện S thực hiện việc bàn giao mốc, ranh giới diện tích đất để lại không thu hồi là 250m<sup>2</sup> đất ở của thửa đất số 193, tờ bản đồ số 9, vị trí tại sát bờ rào khuôn viên Trường mầm non xã R, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông L, bà H theo quy định pháp luật*”.

Ngày 13/12/2019, Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk thụ lý, giải quyết vụ án là còn thời hiệu, đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 30; khoản 4 Điều 32; khoản 1 Điều 116 của Luật tổ tụng hành chính.

[3] Về quan hệ pháp luật: Đây là vụ án “Kiện hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai”.

[4] Về nội dung:

[4.1] Xét yêu cầu khởi kiện của ông L, bà H yêu cầu Tòa án buộc UBND huyện S thực hiện việc bàn giao mốc, ranh giới diện tích đất để lại không thu hồi là 250m<sup>2</sup> đất ở, thửa đất số 193, tờ bản đồ số 9, vị trí sát bờ rào khuôn viên Trường mầm non xã R và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông L, bà H đối với thửa đất số 193, tờ bản đồ số 9 theo quy định pháp luật, HĐXX xét thấy:

Theo Quyết định số 418/QĐ-UBND ngày 26/4/2010 của UBND huyện S và Bản án dân sự phúc thẩm số 62/2014/DS-PT ngày 26/5/2014 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk, thì UBND huyện S phải giao cho hộ ông L, bà H 250m<sup>2</sup> đất tái định cư tại vị trí sát bờ rào khuôn viên Trường mầm non xã R, thuộc thửa đất số 193, tờ bản đồ số 9, xã R, huyện S.

Tuy nhiên, UBND huyện S đã không giao 250m<sup>2</sup> đất tái định cư thuộc thửa đất số 193, tờ bản đồ số 9, xã R cho hộ ông L, bà H mà giao đất cho hộ ông L, bà H diện tích 250m<sup>2</sup>, thửa số 295, tờ bản đồ quy hoạch Trung tâm cụm xã R, đồng thời ban hành Quyết định số 1849/QĐ-UBND ngày 30/6/2014 về việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông L, bà H đối với thửa đất trên. Hộ ông L, bà H đã nhận đất, xây dựng nhà kiên cố trên đất và đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 295 nói trên.

Quá trình giải quyết vụ án, ông L, bà H xác định diện tích 250m<sup>2</sup> thuộc thửa đất số 295, tờ bản đồ quy hoạch Trung tâm cụm xã R ông bà có được do mua đấu giá của UBND huyện S. Các văn bản tổ tụng sau đó và tại phiên tòa, người khởi kiện lại xác định nguồn gốc thửa đất nói trên do mua của UBND xã R khi UBND xã

thông báo phân lô bán nền các diện tích đất cho người dân. Tuy nhiên người khởi kiện không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh nguồn gốc đất như người khởi kiện đã trình bày.

Tại biên bản làm việc với Đoàn công tác Tòa án nhân dân tối cao ngày 01/11/2018 và tại Đơn xin ghi nợ tiền sử dụng đất ngày 08/11/2012, ông L, bà H thừa nhận thửa đất số 295, tờ bản đồ tờ bản đồ Trung tâm cụm xã R là được UBND huyện S giao tái định cư. UBND huyện S cho rằng thửa đất này cấp tái định cư cho ông L và bà H đúng vị trí theo trích lục bản đồ mới.

Thực tế, ông L và bà H đã nhận tiền bồi thường đối với toàn bộ tài sản trên thửa đất số 193, tờ bản đồ số 09 với số tiền 284.104.998 đồng và nhận đất tại thửa đất số 295, tờ bản đồ tờ bản đồ Trung tâm cụm xã R.

Do đó, không có cơ sở xác định hộ ông L, bà H mua đấu giá hay mua đất nền của UBND xã R đối với diện tích 250m<sup>2</sup>, thửa số 295 như ông bà đã trình bày. Qua các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, có cơ sở xác định UBND huyện S đã giao đất tái định cư đối từ diện tích 250m<sup>2</sup>, thửa đất số 193, tờ bản đồ số 09, xã R, sang diện tích 250m<sup>2</sup>, thửa số 295, tờ bản đồ quy hoạch Trung tâm cụm xã R. Ông L và bà H đã được UBND huyện S cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích đất được giao nói trên.

Sau khi ông L và bà H khởi kiện vụ án hành chính tại Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk, vụ án đã được xét xử theo trình tự sơ thẩm và phúc thẩm. Sau khi Tòa án nhân dân cấp cao xét xử phúc thẩm, UBND huyện S đã ban hành Quyết định số: 1333/QĐ-UBND ngày 08/4/2019 về việc thu hồi, hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BQ 910365 do UBND huyện S cấp ngày 30/6/2014 cho hộ ông L, bà H đối với thửa số 295, tờ bản đồ quy hoạch Trung tâm cụm xã R. Tại Bản án hành chính sơ thẩm số: 46/2019/HC-ST ngày 20/11/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk đã tuyên hủy Quyết định số: 1333/QĐ-UBND ngày 08/4/2019 của UBND huyện S nói trên. Hiện nay bản án hành chính sơ thẩm đã có hiệu lực pháp luật. Thực tế, diện tích 250m<sup>2</sup>, thửa số 295 nói trên đang được ông L, bà H thế chấp vay tại Ngân hàng V – Chi nhánh huyện S, Bắc Đắk Lắk.

Như vậy, sau khi bị thu hồi đất, ông L và bà H đã được UBND huyện S cấp đất tái định cư diện tích 250m<sup>2</sup>, thửa số 295, tờ bản đồ quy hoạch Trung tâm cụm xã R, huyện S. Vì vậy, ông L, bà H khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc UBND huyện S thực hiện việc bàn giao mốc, ranh giới diện tích đất để lại không thu hồi là 250m<sup>2</sup> đất ở, thửa đất số 193, tờ bản đồ số 9, vị trí sát bờ rào khuôn viên Trường mầm non xã R và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông L, bà H đối với thửa đất số 193, tờ bản đồ số 9, không có căn cứ. Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông L và bà H.

[4.2] Quá trình giải quyết vụ án, ông L và bà H đề nghị Tòa án kiến nghị UBND huyện S giải quyết bồi thường giá trị quyền sử dụng đất diện tích 1.605m<sup>2</sup> bằng tiền theo quy định pháp luật về bồi thường khi nhà nước thu hồi đất. Tại phiên toà, người khởi kiện xác định đối với yêu cầu UBND huyện S giao diện tích đất 1.605m<sup>2</sup> đã được giải quyết tại Bản án hành chính sơ thẩm số 19/2017/HC-ST ngày 05/6/2017, của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk và tại Quyết định giám đốc thẩm số 28/2019/HC-GĐT ngày 06/11/2019, của Tòa án nhân dân tối cao đã có hiệu lực pháp luật, nên người khởi kiện không có yêu cầu, đề nghị gì đối với nội dung này, vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[4.3] Theo Quyết định số 418/QĐ-UBND ngày 26/4/2010 của UBND huyện S, thì UBND huyện S phải giao cho hộ ông L, bà H 250m<sup>2</sup> đất tái định cư và phải nộp tiền sử dụng đất và các nghĩa vụ tài chính khác. Hộ ông L, bà H không khiếu nại quyết định này và có yêu cầu giao đất theo quy định. Tuy nhiên, UBND huyện S không giao đất tại thửa 193, tờ bản đồ số 09, mà giao đất tái định cư cho ông L, bà H tại thửa đất 295, tờ bản đồ quy hoạch Trung tâm cụm xã R. Tại phiên toà ông L, bà H xác nhận đã nộp 117.500.000 đồng cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền để được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ông L, bà H không khiếu nại và không khởi kiện Quyết định số 418, cũng không khiếu nại hay khởi kiện yêu cầu giải quyết đối với số tiền ông bà đã thực hiện nghĩa vụ tài chính nêu trên. Do đó, không thuộc phạm vi xét xử của Hội đồng xét xử, kiến nghị UBND huyện S xem xét lại việc buộc hộ ông L, bà H nộp tiền sử dụng đất đối với diện tích 250m<sup>2</sup> đất ở, thửa đất 295, tờ bản đồ Trung tâm cụm xã R.

[5] Về án phí:

[5.1] Về án phí hành chính sơ thẩm: Do không được chấp nhận đơn khởi kiện nên ông Nguyễn Hồng L, bà Cao Thị H phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hành chính sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí hành chính sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0042911 ngày 26/12/2016 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đ.

[5.2] Về án phí hành chính phúc thẩm đã tuyên tại Bản án hành chính phúc thẩm số 135/2017/HC-PT ngày 24/8/2017 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng: Do bản án phúc thẩm nói trên đã bị hủy nên Ủy ban nhân dân huyện S không phải chịu án phí hành chính phúc thẩm. Hoàn trả cho Ủy ban nhân dân huyện S 300.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0004405 ngày 23/6/2017 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk.

*Vì các lẽ trên,*

**QUYẾT ĐỊNH:**

[1] Căn cứ vào Điều 30; khoản 4 Điều 32; khoản 1 Điều 116; điểm d khoản 1 Điều 123 và khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 193 của Luật tổ tụng hành chính; khoản 1 Điều 32 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

**[2] Tuyên xử:**

[2.1] Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Hồng L, bà Cao Thị H về việc buộc UBND huyện S thực hiện việc bàn giao mốc, ranh giới diện tích đất để lại không thu hồi là 250m<sup>2</sup> đất ở của thửa đất số 193, tờ bản đồ số 9, vị trí sát bờ rào khuôn viên Trường mầm non xã R, huyện S và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Hồng L, bà Cao Thị H đối với thửa đất số 193, tờ bản đồ số 9, xã R, huyện S.

[2.2] Kiến nghị UBND huyện S xem xét lại tính hợp pháp của việc buộc hộ ông Nguyễn Hồng L, bà Cao Thị H nộp tiền sử dụng đất đối với diện tích đất ở 250m<sup>2</sup>, thửa đất 295, tờ bản đồ Trung tâm cụm xã R, huyện S.

**[3] Về án phí:**

[3.1] Án phí hành chính sơ thẩm: Ông Nguyễn Hồng L, bà Cao Thị H phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hành chính sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí hành chính sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số AA/2014/0042911 ngày 26/12/2016 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk.

[3.2] Hoàn trả cho Ủy ban nhân dân huyện S 300.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu số AA/2016/0004405 ngày 23/6/2017 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk.

[4] Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án Hành chính sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

**Nơi nhận:**

- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- Cục THADS tỉnh tỉnh Đắk Lắk;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**  
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**  
(Đã ký)

**Trần Thị Phụng**

